TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 15/01/2024
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Bích Vân

Ông Trần Quang Tứ

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc PH – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 455/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1998.
Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.
Tạm trú: ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

2/ Bị đơn: anh Trần Văn U, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Các đương sự có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2023 trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Huỳnh Thị H trình bày:

Chị và anh U cưới nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2017. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống anh U thường xuyên ăn nhậu và tiền bạc chi tiêu gia đình hay khắt khe hay cự cải vợ về chi tiêu, về công

việc nhà không lo cho con cái nên thường xảy ra cự cải làm mất đi tình cảm vợ chồng, vợ chồng không ai nói với ai, không còn quan tâm nhau, nay tình cảm vợ chồng không còn và chị đã về nhà cha mẹ ở xã T, huyện G sống từ tháng 9/2023 đến nay không hàn gắn được nên chị làm đơn xin ly hôn với anh U.

Về con chung: có 02 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 28/01/2015 và Trần Huỳnh Anh T, sinh ngày 08/09/2021, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin nuôi 02 con, chị không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Văn U trình bày:

Anh và chị H cưới nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2017. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ mới phát sinh mâu thuẫn mấy tháng nay vợ chồng có cự cải qua lại do anh đi làm thường có nhậu về thấy công việc nhà cửa vợ bày biện không làm, cộng với việc chi tiền tiêu xài thoải mái của vợ nên anh hay có lớn tiếng cự với vợ nhưng anh vẫn đi làm lo cho con cái. Khi vợ cùng các con bỏ đi anh biết anh sai do tính nóng nẩy anh đã có đến nhà cha mẹ vợ năn nỉ vợ về nhưng vợ vẫn cương quyết không về và sau này thì tránh mặt không cho gặp và điện thoại thì chặn không cho anh liên lạc nên vợ chồng không có gặp nhau được để hàn gắn được nửa.

Nay vợ cương quyết xin ly hôn nhưng anh còn thương vợ thương con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 28/01/2015 và Trần Huỳnh Anh T, sinh ngày 08/09/2021. Anh không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của vợ thì con anh đồng ý cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 12/12/2023 con chung Trần Thị Thanh T có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ Huỳnh Thị H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị H đối với anh Trần Văn U. Về con chung: có 02 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 28/01/2015 và Trần Huỳnh Anh T, sinh ngày 08/09/2021, xét chị H có đầy đủ điều kiện chăm sóc con tốt hơn anh U và 02 con chung đang sống với chị H nên đề nghị để con chung cho chị H nuôi dưỡng, ghi nhận chị H tự nguyện không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị H và anh Trần Văn U kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/02/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẩn do cuộc sống kinh tế khó khăn và con cái còn nhỏ nên dẫn đến vợ chồng có nhiều mâu thuẩn trong chi tiêu sinh hoạt gia đình, trong công việc nhà hằng ngày nên vợ chồng hay cải vả nhau làm cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 06 năm 2023 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên vẫn không thể hòa giải, không thể khắc phục những mâu thuẫn nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn nên chị H xin ly hôn với anh U. Mặc dù anh U cho rằng còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn và Tòa án đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn của anh chị nhiều lần nhưng vẫn không có khả năng hàn gắn chị H vẫn cương quyết ly hôn nên xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Trong quá trình chung sống với nhau, anh chị có có 02 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 28/01/2015 và Trần Huỳnh Anh T, sinh ngày 08/09/2021. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị H phù hợp với nguyện vọng của con chung Thanh T và cháu T nay chỉ có 3 tuổi và anh U cũng đồng ý nên yêu cầu của chị H về nuôi 02 con là có căn cứ, phù hợp quy định tại điều 81, 82 luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Anh U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị H phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị H đối với anh Trần Văn U.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 28/01/2015 và Trần Huỳnh Anh T, sinh ngày 08/09/2021. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh U lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001462 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Chị H đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chị cụcTHADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Mộng Tuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Trường **Trịnh Thị Hồng Thắm** **Nguyễn Duy Linh**